

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2019/HS-ST**

Ngày 17-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Hậu - Bí thư huyện Đoàn Nông Công

Ông Nguyễn Văn Lợi - Phó giám đốc rung tâm y tế huyện Nông Công

Thư ký phiên tòa : Ông Phạm Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Nông Công.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Nông Công xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2019/HSST ngày 10 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh ngày 08/7/2000; nơi sinh và cư trú: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa lớp: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C1 (đã chết) và bà Trần Thị T1; chưa có vợ, con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ 9 ngày, từ 16/01/2019 đến 25/01/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Đình H, sinh ngày 22/01/2001; sinh và trú tại: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình H1 và bà Nguyễn Thị T2; chưa có vợ, con; không tiền án, tiền sự; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; có mặt.

3. Nguyễn Bá D, sinh ngày 30/3/2000; sinh và trú tại: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá K và bà Nguyễn Thị B; chưa có vợ, con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ 9 ngày, từ ngày 15/01/2019 đến ngày 24/01/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đình H: Bà Nguyễn Thị T2 là mẹ đẻ bị cáo (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Làm ruộng

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình H:* Bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Trần Văn T3, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Bá T4, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Phạm Ngọc H2, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: SN 63 N1, phường B1, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Mai Đình T5, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N2, xã L, huyện N; tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 12/01/2019 Nguyễn Văn C, Nguyễn Bá D đến nhà Nguyễn Đình H để tổ chức ăn uống, sau đó có Nguyễn Đình D1 và Nguyễn Bá T4 cùng đến ăn. Sau khi ăn xong, D1 nhờ C, D, H lấy xe máy của mình chở xuống nhà bạn ở xã G chơi. Sau khi chở D1 đến nhà bạn C, D và H quay xe về nhà anh Nguyễn Bá L1 gửi xe và xách đồ ăn sang nhà ông Nguyễn Bá T6 (ngôi nhà bỏ hoang) để cho T4, D2 và C1 cùng ăn. Khoảng 23 giờ cùng ngày thì ăn xong. Biết nhà anh Trần Văn T3 đi làm đêm, không có ai ở nhà nên C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. C rủ H, được H đồng ý và gọi thêm T4, cả 3 đi bộ theo hướng bờ ruộng ra phía sau nhà anh T3.

Đến nơi, C bảo T4 ở ngoài canh gác còn C và H đi vào trong. Do không chui qua được vào ô cửa đã bị vỡ sẵn ở hông nhà nên H quay ra gọi T4 vào để chui qua. T4 vào trong bếp lấy 01 điện thoại Nokia 1208 bỏ vào túi quần, sau đó đi lại mở cửa chính cho C và H đi vào, còn T4 ra ngoài tiếp tục canh gác. Vào nhà, C và H tháo ti vi, H ôm ti vi đưa ra cho T4, còn C tiếp tục lấy 01 cục sạc kích điện và 3.000.000đ để trong ngăn kéo quạt hơi nước. Lấy xong cả ba đi theo lối cũ ra về. T4 cầm 01 điện thoại, H ôm tivi còn C cầm sạc ắc quy và 3.000.000đ đi đến đường bê tông thấy có người ngồi ở cống nước. Sợ bị phát hiện, nên H đặt ti vi xuống bờ ruộng và đi lại cống nhìn thấy D2, D, C1 đang ngồi ở đấy. D chạy lại thì C rủ D đi bán ti vi cùng, D đồng ý và đưa chìa khóa xe cho H đi lấy xe máy đang để ở nhà anh L1. C về nhà cất sạc ắc quy, còn H đi lấy xe chở D ngồi giữa ôm ti vi, C ngồi sau cùng rồi cả ba cùng đi bán ti vi. H điều khiển xe chạy dọc theo bờ đê hướng về xã G và gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị N3 hỏi xem có mua ti vi không nhưng chị N3 không mua. Cả 3 đi lên bờ đê xã G ngồi. Sợ mang về bị phát hiện nên C, H, D lại tiếp tục đem đến nhà người quen Mai Đình T5 ở xã L, huyện N, thấy trong nhà có điện sáng nên D bảo C và H đứng ngoài còn D vào hỏi anh T5 có mua ti vi không, anh T5 hỏi ti vi ở đâu thì D bảo ti vi nhà không dùng đang cần tiền nên mang đi bán nhưng anh T5 không mua, cùng lúc đó có Phạm Ngọc H2 (bạn của T5) đi lại ôm ti vi vào lắp thử thấy đang dùng được nên trả 1.000.000đ, T5 bảo thêm cho nó 500.000đ, D đồng ý bán với giá 1.500.000đ. Sau khi bán được ti vi, D cầm tiền đưa hết cho C và cả ba cùng xuống xã G đón D1 về. Về đến thôn Đ, xã T, C xuống xe đi bộ về nhà còn D và D1 ngủ tại nhà H. Sáng hôm sau C bắt xe đi Hà Nội chơi tiêu xài hết số tiền bán ti vi và 3.000.000đ tiền mặt lấy trong ngăn kéo quạt hơi nước.

Nguyễn Đình H đến CQĐT Công an huyện Nông Cống xin đầu thú và khai nhận cùng với một số đối tượng đã trộm cắp tài sản nhà anh T3. Ngày 16/01/2019 Nguyễn Văn C, Nguyễn Bá D đến cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/ĐGTS ngày 16/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống xác định:

- 01 ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu SAMSUNG loại 40in tình trạng đã qua sử dụng trị giá 5.500.000đ

- 01 điện thoại di động NOKIA 1280 tình trạng đã qua sử dụng trị giá 300.000đ.

- 01 cục sạc kích điện tự chế không nhãn hiệu tình trạng đã qua sử dụng trị giá 500.000đ. Tổng cộng 6.300.000đ.

Bị hại Trần Văn T3 báo cáo: Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 13/01/2019 anh đi làm về phát hiện tài sản trong nhà bị mất gồm: 01 ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu SAMSUNG 40in; tiền mặt 3.000.000đ; 01 điện thoại di động nokia 1280 và 01 cục sạc ác quy. Anh đã nhận lại toàn bộ giá trị tài sản bị mất và tiền mặt, tổng cộng 9.300.000đ và không yêu cầu gì thêm, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với Nguyễn Bá T4 tại thời điểm phạm tội chưa đủ 16 tuổi, hành vi trộm cắp tài sản thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngày 15/3/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã ra quyết định xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp.

Đối với Phạm Ngọc H2 đến nhà Mai Đình T5 xem bóng, khoảng 1 giờ sáng ngày 13/01/2019 có mua của D 01 ti vi. Khi mua H2 không biết đó là tài sản trộm cắp nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống không đủ căn cứ để xử lý đối với Phạm Ngọc H2.

Số tiền 1.500.000đ anh H2 bỏ ra để mua chiếc ti vi hiện gia đình các đối tượng đã trả lại nên anh không có yêu cầu gì thêm.

Đối với chiếc xe mô tô mà C, H, D dùng để đi tiêu thụ tài sản. Quá trình điều tra xác định C, D, H đã mượn xe của Nguyễn Đình D1 để đi chơi. D1 không biết các đối tượng trên sử dụng xe đi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

*** Vật chứng vụ án:**

- *Vật chứng thu giữ được gồm:*

+ 01 ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu samsung loại 40in.

+ 01 cục sạc ác quy

+ 3.000.000đ tiền VNĐ

+ 01 điện thoại nokia 1280 Nguyễn Bá T4 khai đã vứt bỏ ở nương nước dọc tuyến quốc lộ thuộc thôn Bất Nộ xã S. Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã tiến hành truy tìm nhưng chưa tìm thấy.

*** Về yêu cầu bồi thường dân sự**

Bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại là 9.300.000đ và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS, ngày 10/4/2019 VKSND dân huyện Nông Cống truy tố: Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Nguyễn Bá D về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo qui định tại khoản 1 điều 323 BLHS..

Tại phiên tòa:

- Đại diện VKSND huyện Nông Cống giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Điều 65 BLHS đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo C từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 100; Điều 36 BLHS: đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo H từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS: đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo D từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 10% đến 15%. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST.

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, hứa sửa chữa, không tái phạm và xin được cải tạo tại địa phương.

- Người đại diện của bị cáo H xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo H 06 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 12/01/2019 tại nhà anh Trần Đình T3 thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình H đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản gồm 1 điện thoại NOKIA, 1 ti vi SAMSUNG, 1 cục sạc kích điện và 3.000.000đ tiền mặt. Giá trị tài sản trộm cắp đã được HĐĐG tài sản huyện Nông Cống định giá 6.300.000đ và 3.000.000đ, tổng cộng 9.300.000đ thuộc định lượng quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Đối với Nguyễn Bá D đã cùng H và C đem tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Hành vi của D đã phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống truy tố bị cáo C và bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS; bị cáo D về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi “ Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo tương xứng với hành vi mà các bị cáo thực hiện nhằm để trừng trị, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt và răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò: Bị cáo C là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, xếp vai trò thứ nhất. Bị cáo H là người được chiến rử và cũng là người thực hành xếp vai trò thứ 2. Bị cáo D chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo C có 1 tiền tiết tăng nặng xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS. Các bị cáo H và D không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có chung tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm b, i, s khoản 1; sau khi phạm tội các bị cáo đã đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS;

- Về nhân thân: Cả 3 bị cáo đều là người có nhân thân tốt.

Đối với Nguyễn Đình H khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 91 và Điều 100 BLHS để xem xét khi quyết định hình phạt.

Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, HĐXX xét thấy chưa cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo C là phù hợp với Điều 65 BLHS. Đối với bị cáo H và bị cáo D áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với Điều 36 BLHS.

Các bị cáo chưa có việc làm ổn định, sống phụ thuộc gia đình nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo C, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo H và bị cáo D.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST,
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Bá D phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Điều 65; BLHS:

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 Tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm,

Giao bị cáo C cho UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 100; Điều 36 BLHS:

2. Nguyễn Đình H 10 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS:

3. Nguyễn Bá D 10 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 27 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành tiếp 9 tháng 3 ngày. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Thời gian cải tạo không giam giữ của các bị cáo được tính từ ngày UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nhận được Quyết thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo H và bị cáo D cho UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp, người bào chữa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HSVA, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình

